

Số: 207/2022/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 04 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 199/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

+ Bà **Đào Thị Trà M**, sinh năm 1993

+ Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: K223/H23/29 Ngô Q, tổ 24, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Trà M và ông Nguyễn Văn N đi đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận S. Hôn

nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, bà Đào Thị Trà M và ông Nguyễn Văn N xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Xét thấy tình cảm của cả hai đã không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy ông, bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu đề nghị công nhận thuận tình ly hôn của bà Đào Thị Trà M và ông Nguyễn Văn N thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà Đào Thị Trà M và ông Nguyễn Văn N lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải, bà Đào Thị Trà M và ông Nguyễn Văn N đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn của bà M và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Đào Thị Trà M và ông Nguyễn Văn N là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà M, ông N xác định vợ chồng có 04 con chung Nguyễn Văn An B, sinh ngày 27/8/2012; Nguyễn Văn Bình A, sinh ngày 27/8/2012; Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 10/12/2014 và Nguyễn Đào Anh T, sinh ngày 01/9/2019. Thuận tình ly hôn, bà M ông N thoả thuận: Giao 04 con chung Nguyễn Văn An B, sinh ngày 27/8/2012; Nguyễn Văn Bình A, sinh ngày 27/8/2012; Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 10/12/2014 và Nguyễn Đào Anh T, sinh ngày 01/9/2019 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà M không cấp dưỡng nuôi con chung. Bà M, ông N tự nguyện thoả thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD chấp nhận thoả thuận nuôi con của ông bà.

[5] Về tài sản chung: Bà M, ông N xác định không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Các vấn đề khác: Bà M, ông N xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[7] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà M và ông N không phải chịu được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đào Thị Trà M và ông Nguyễn Văn N (*Do công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đào Thị Trà M và ông Nguyễn Văn N nên Giấy chứng nhận kết hôn số 93/2012. quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường M, quận S, TP. Đà Nẵng cấp ngày 12/9/2012 không còn giá trị pháp lý*).

1.2 Về con chung: Bà M, ông N thỏa thuận: Giao 04 con chung Nguyễn Văn An B, sinh ngày 27/8/2012; Nguyễn Văn Bình A, sinh ngày 27/8/2012; Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 10/12/2014 và Nguyễn Đào Anh T, sinh ngày 01/9/2019 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Bà M, ông N xác định không có nên Tòa án không xem xét.

1.4 Các vấn đề khác: Bà M, ông N xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Bà M và ông N không phải chịu được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đông Thanh